

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định cấp giấy phép tài nguyên nước và điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Tài nguyên Nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên Nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT- BTNMT ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định việc cấp phép tài nguyên nước và điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1406/2010/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, ban hành Quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; thủ trưởng các cơ quan liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cao Bằng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thi hành);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Các P.CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Các CV;
- Lưu:VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đàm Văn Eng

QUY ĐỊNH

**Cấp giấy phép tài nguyên nước và điều kiện về năng lực của tổ chức,
cá nhân lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép
tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép thăm dò nước dưới đất; giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất; giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước và quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến việc thăm dò nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Tổ chức thực hiện lập đề án, báo cáo; cá nhân tư vấn độc lập thực hiện việc lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân hành nghề trong lĩnh vực tài nguyên nước).

3. Cơ quan quản lý Nhà nước về tài nguyên nước và cơ quan có liên quan khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Giấy phép tài nguyên nước bao gồm Giấy phép thăm dò nước dưới đất; giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất; giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

Điều 4. Các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước không phải xin cấp giấy phép

1. Khai thác, sử dụng nước cho sinh hoạt của hộ gia đình;
2. Khai thác, sử dụng nước phục vụ các hoạt động văn hóa, tôn giáo, nghiên cứu khoa học;
3. Khai thác, sử dụng nước cho phòng cháy, chữa cháy, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm, dịch bệnh và các trường hợp khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp;
4. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước với quy mô nhỏ cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bao gồm:
 - a) Khai thác nước dưới đất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá 10 m³/ngày đêm, không thuộc các vùng mà mực nước đã bị suy giảm quá mức;
 - b) Khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với quy mô không vượt quá 0,1 m³/giờ;
 - c) Khai thác nước mặt cho các mục đích kinh doanh, dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp không vượt quá 100 m³/ngày đêm;
 - d) Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy không vượt quá 50 KW;
 - đ) Xả nước thải sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình;
 - e) Xả nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá 5 m³/ngày đêm và không chứa hóa chất độc hại, chất phóng xạ;
 - g) Xả nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc trường hợp quy định tại Điểm e, Khoản này vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung mà hệ thống đó đã được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước và có thỏa thuận hoặc hợp đồng xử lý, tiêu thoát nước thải với tổ chức, cá nhân quản lý vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đó;
 - h) Xả nước thải nuôi trồng thủy sản với quy mô không vượt quá 10.000 m³/ngày đêm hoặc nuôi trồng thủy sản trên sông, suối, hồ chứa.

Chương II
ĐIỀU KIỆN VỀ NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
THỰC HIỆN LẬP ĐỀ ÁN, BÁO CÁO TRONG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 5. Điều kiện về năng lực đối với tổ chức hành nghề trong lĩnh vực tài nguyên nước

1. Tổ chức hành nghề trong lĩnh vực tài nguyên nước phải có tư cách pháp nhân và có một trong các loại giấy tờ sau:

a) Quyết định thành lập tổ chức, trong đó có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động về tài nguyên nước.

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp, trong đó có hành nghề kinh doanh liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ, tư vấn kỹ thuật và các hoạt động khác về tài nguyên nước.

2. Có đội ngũ cán bộ chuyên môn tham gia thực hiện đề án, báo cáo đáp ứng quy định tại Điều 6, Quy định này;

3. Cá nhân thuộc đội ngũ cán bộ chuyên môn quy định tại Khoản 2, Điều này đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài có giấy phép lao động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về lao động;

b) Có văn bằng đào tạo trình độ từ đại học trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp với loại đề án, báo cáo theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản 2, Điều 6, Quy định này;

c) Có Quyết định tuyển dụng hoặc có hợp đồng lao động với tổ chức theo quy định của pháp luật;

d) Nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn về kỹ thuật tài nguyên nước.

4. Có máy móc, thiết bị chuyên dùng đáp ứng quy định tại Điều 8, Quy định này.

5. Trường hợp hạng mục công việc của đề án, báo cáo có yêu cầu điều kiện khi thực hiện, tổ chức phải đáp ứng các điều kiện đó hoặc có hợp đồng liên doanh, liên kết hoặc hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện để thực hiện.

Điều 6. Quy định về đội ngũ cán bộ chuyên môn của tổ chức lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước

1. Số lượng cán bộ chuyên môn

Đối với đề án, báo cáo thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, có ít nhất 02 cán bộ được đào tạo các chuyên ngành phù hợp quy định tại Khoản 2, Điều này.

2. Chuyên ngành đào tạo

a) Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt, bao gồm các chuyên ngành đào tạo liên quan đến nước mặt (thủy văn, hải văn, thủy văn công trình, thủy văn môi trường, kỹ thuật tài nguyên nước);

b) Đối với đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất, bao gồm các chuyên ngành đào tạo liên quan đến nước dưới đất (địa chất, địa chất thủy văn, địa chất công trình, khoan thăm dò, địa vật lý, địa kỹ thuật);

c) Đối với đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, bao gồm các chuyên ngành đào tạo liên quan đến môi trường (khoa học môi trường, công nghệ môi trường, kỹ thuật môi trường, quản lý môi trường).

3. Kinh nghiệm công tác

Đối với đề án, báo cáo thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, có ít nhất hai (02) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài nguyên nước, môi trường hoặc đã trực tiếp tham gia lập ít nhất một (01) đề án, báo cáo, trong đó người phụ trách kỹ thuật của đề án, báo cáo phải có ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm hoặc đã trực tiếp tham gia lập ít nhất ba (03) đề án, báo cáo.

4. Cùng một thời điểm, người phụ trách kỹ thuật của đề án, báo cáo chỉ đảm nhận phụ trách kỹ thuật tối đa không quá ba (03) đề án, báo cáo.

Điều 7. Quy định về cá nhân tư vấn độc lập thực hiện việc lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước

Đối với cá nhân tư vấn độc lập thực hiện việc lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước, phải đáp ứng các quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm d, Khoản 3, Điều 5, Quy định này và các điều kiện sau:

1. Chuyên ngành đào tạo phải phù hợp với loại đề án, báo cáo quy định tại Khoản 2, Điều 6, Quy định này.

2. Kinh nghiệm công tác

Đối với việc lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, phải có ít nhất mười lăm (15) năm kinh nghiệm và đã phụ trách kỹ thuật từ năm (05) đề án, báo cáo trở lên;

3. Cùng một thời điểm, cá nhân tư vấn độc lập chỉ được nhận tư vấn lập một (01) đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước.

Điều 8. Quy định về máy móc, thiết bị chuyên dùng

1. Máy móc, thiết bị chuyên dùng phải đảm bảo số lượng, chất lượng, tính năng kỹ thuật phù hợp.

2. Trường hợp máy móc, thiết bị yêu cầu phải có kiểm định chất lượng theo quy định, phải có giấy tờ kiểm định chất lượng do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Trường hợp đề án có hạng mục thi công công trình khoan nước dưới đất thì máy khoan, thiết bị thi công khoan phải đáp ứng yêu cầu đối với quy mô công trình và an toàn lao động theo quy định.

Chương III

THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP VÀ HÀNH NGHỀ TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 9. Thẩm quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực, thu hồi và cấp lại giấy phép

1. Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực, thu hồi và cấp lại giấy phép đối với các trường hợp sau:

a) Thăm dò, khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 800 đến < 3.000 m³/ngày đêm;

b) Khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 1 đến < 2 m³/giây;

c) Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 1.000 đến <2.000 KW;

d) Khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng từ 40.000 đến <50.000 m³/ngày đêm;

đ) Xả nước thải với lưu lượng từ 20.000 đến <30.000 m³/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản;

e) Xả nước thải với lưu lượng từ 2.000 đến <3.000 m³/ngày đêm đối với các hoạt động khác.

2. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi và cấp lại giấy phép hoạt động tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều này.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý, cấp phép tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tiếp nhận, thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, cấp giấy phép hoạt động tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Cao Bằng.

b) Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân làm thủ tục xin cấp giấy phép hoạt động tài nguyên nước theo quy định của pháp luật;

c) Giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong quản lý Nhà nước về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật và theo Quy định này.

2. Tổ chức, cá nhân hành nghề trong lĩnh vực tài nguyên nước

a) Thông báo đến Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đã được lựa chọn tư vấn lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp phép tài nguyên nước chậm nhất sau 30 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng thực hiện.

b) Bố trí, sử dụng cán bộ chuyên môn phù hợp với yêu cầu, nội dung công việc của đề án, báo cáo.

c) Bảo đảm tính trung thực về nội dung kê khai trong hồ sơ năng lực tham gia thực hiện đề án, báo cáo và chịu trách nhiệm về những hậu quả, thiệt hại do khai báo không trung thực.

2. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước

a) Tuân thủ các quy định điều kiện về năng lực khi thực hiện việc lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp phép tài nguyên nước;

b) Nộp bản sao hồ sơ năng lực của tổ chức, cá nhân lập báo cáo, đề án trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước

Điều 11. Chủ đầu tư công trình xây dựng có trách nhiệm

Các dự án đầu tư xây dựng công trình có liên quan đến việc thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, chủ đầu tư phải làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước khi dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 12. Phí thẩm định hồ sơ, lệ phí cấp giấy phép

Phí thẩm định hồ sơ, lệ phí cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và UBND tỉnh Cao Bằng.

Chương IV

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH, ĐÌNH CHỈ HIỆU LỰC VÀ THU HỒI GIẤY PHÉP

Mục 1

HỒ SƠ CẤP, GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

Điều 13. Mẫu đơn và đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép

Thực hiện theo quy định của Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất; mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước.

Điều 14. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất.

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) Đề án thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 200m³/ngày đêm trở lên; thiết kế giếng thăm dò đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất.

a) Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép;

b) Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện các quy định trong giấy phép;

c) Bản sao Giấy phép đã được cấp.

Điều 15. Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất.

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) Sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất;

c) Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất kèm theo phương án khai thác đối với công trình có quy mô từ 200 m³/ngày đêm trở lên); hoặc báo cáo kết quả thi công giếng khai thác đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm trong trường hợp chưa có công trình khai thác; báo cáo hiện trạng khai thác đối với trường hợp công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động;

d) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất.

a) Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép;

b) Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tình hình, kết quả thực hiện giấy phép. Trường hợp điều chỉnh giấy phép có liên quan đến quy mô công trình, số lượng giếng khai thác, mực nước khai thác, phải nêu rõ phương án khai thác nước;

c) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

d) Bản sao Giấy phép đã được cấp.

Điều 16. Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) Đề án khai thác, sử dụng nước đối với trường hợp chưa có công trình khai thác; báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước kèm theo quy trình vận hành đối với trường hợp đã có công trình khai thác (nếu thuộc trường hợp quy định phải có quy trình vận hành);

c) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

d) Sơ đồ vị trí công trình khai thác nước.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.

a) Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép;

b) Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tình hình thực hiện giấy phép. Trường hợp điều chỉnh quy mô công trình, phương thức, chế độ khai thác sử dụng nước, quy trình vận hành công trình, phải kèm theo đề án khai thác nước;

c) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

d) Bản sao Giấy phép đã được cấp.

Điều 17. Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) Đề án xả nước thải vào nguồn nước kèm theo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải đối với trường hợp chưa xả nước thải; báo cáo hiện trạng

xả nước thải kèm theo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải đối với trường hợp đang xả nước thải vào nguồn nước;

c) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước tiếp nhận tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước; kết quả phân tích chất lượng nước thải trước và sau khi xử lý đối với trường hợp đang xả nước thải. Thời điểm lấy mẫu phân tích chất lượng nước không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

d) Sơ đồ vị trí khu vực xả nước thải.

Trường hợp chưa có công trình xả nước thải vào nguồn nước, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải nộp trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

a) Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép;

b) Kết quả phân tích chất lượng nước thải và chất lượng nguồn nước tiếp nhận tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước. Thời điểm lấy mẫu phân tích chất lượng nước không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

c) Báo cáo hiện trạng xả nước thải và tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép. Trường hợp điều chỉnh quy mô, phương thức, chế độ xả nước thải, quy trình vận hành thì phải có đề án xả nước thải;

d) Bản sao Giấy phép đã được cấp.

Điều 18. Hồ sơ cấp lại giấy phép tài nguyên nước

1. Đơn đề nghị cấp lại giấy phép;

2. Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép.

Mục 2

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH, DÌNH CHỈ HIỆU LỰC VÀ THU HỒI GIẤY PHÉP

Điều 19. Tổ chức, cá nhân đứng tên đề nghị cấp phép

1. Trường hợp công trình chuẩn bị đầu tư có khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, chủ đầu tư đứng tên hồ sơ đề nghị cấp giấy phép và thực hiện các thủ tục xin cấp phép sau khi dự án được duyệt và khi nghiệm thu bàn giao công trình để đưa vào sử dụng. Nếu chủ đầu tư không trực

tiếp quản lý, vận hành công trình, chủ đầu tư phải có văn bản bàn giao giấy phép hoạt động tài nguyên nước cho tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành công trình thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ giấy phép.

2. Trường hợp công trình đang khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, thuộc sở hữu của Nhà nước nhưng chưa có giấy phép. Tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành công trình đứng tên hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

3. Trường hợp công trình đang khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, không thuộc sở hữu của Nhà nước và chưa có giấy phép, chủ quản lý công trình đứng tên đề nghị cấp giấy phép. Trường hợp công trình thuộc sở hữu của cộng đồng dân cư, Ủy ban nhân dân xã, phường nơi có công trình đang khai thác đứng tên hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

Điều 20. Điều kiện để được gia hạn giấy phép

1. Việc gia hạn giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Đến thời điểm đề nghị gia hạn, chủ giấy phép đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến giấy phép đã được cấp theo quy định của pháp luật và không có tranh chấp.

b) Giấy phép còn hiệu lực và hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép được nộp trước thời điểm giấy phép hết hiệu lực ít nhất chín mươi (90) ngày.

c) Tại thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép, kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước của tổ chức, cá nhân phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước, khả năng đáp ứng của nguồn nước.

2. Đối với trường hợp khác với quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều này, tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mới.

Điều 21. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

1. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp hai (02) bộ hồ sơ và nộp phí thẩm định hồ sơ theo quy định của pháp luật cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép còn phải nộp thêm một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung hoàn thiện mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo rõ lý do.

2. Thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong hồ sơ đề nghị cấp phép (sau đây gọi chung là đề án, báo cáo).

a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo; nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định đề án, báo cáo. Trường hợp đủ điều kiện cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép;

b) Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc;

c) Trường hợp phải lập lại đề án, báo cáo, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung đề án, báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ đề nghị cấp phép.

3. Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

Điều 22. Trình tự thực hiện thủ tục gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

1. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) nộp hai (02) bộ hồ sơ và nộp phí thẩm định hồ sơ theo quy định của pháp luật cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân còn phải nộp thêm một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung hoàn thiện mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo rõ lý do.

2. Thẩm định đề án, báo cáo đối với trường hợp gia hạn, điều chỉnh giấy phép:

a) Trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo, nếu cần thiết kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định đề án, báo cáo. Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy phép, trình cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Trường hợp không đủ điều kiện để gia hạn, điều chỉnh giấy phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do không được gia hạn, điều chỉnh giấy phép;

b) Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc;

c) Trường hợp phải lập lại đề án, báo cáo, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung đề án, báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ.

3. Thẩm định hồ sơ đối với trường hợp cấp lại giấy phép:

Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện để cấp lại giấy phép, trình cơ quan có thẩm quyền cấp phép xem xét, quyết định. Trường hợp không đủ điều kiện, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do.

4. Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép:

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của cơ quan có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

Điều 23. Đình chỉ hiệu lực giấy phép tài nguyên nước

1. Các trường hợp bị đình chỉ hiệu lực giấy phép.

a) Vi phạm nội dung quy định trong giấy phép gây ô nhiễm, cạn kiệt nghiêm trọng nguồn nước;

b) Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước mà không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép chấp thuận;

c) Không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định;

d) Lợi dụng giấy phép để tổ chức hoạt động trái quy định của pháp luật.

2. Căn cứ vào mức độ vi phạm của chủ giấy phép, mức độ ảnh hưởng của việc đình chỉ giấy phép đến hoạt động sản xuất và đời sống của nhân dân trong vùng, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép quyết định thời hạn đình chỉ hiệu lực của giấy phép như sau:

a) Không quá ba (03) tháng đối với giấy phép thăm dò nước dưới đất;

b) Không quá mười hai (12) tháng đối với giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép có thể xem xét rút ngắn thời hạn đình chỉ hiệu lực của giấy phép khi chủ giấy phép đã khắc phục hậu quả liên quan đến lý do đình chỉ hiệu lực giấy phép và hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

4. Khi hết thời hạn đình chỉ hiệu lực của giấy phép mà cơ quan có thẩm quyền cấp phép không có quyết định khác, chủ giấy phép được tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xem xét, trình UBND tỉnh quyết định việc đình chỉ hiệu lực giấy phép tài nguyên nước theo quy định.

Điều 24. Thu hồi giấy phép tài nguyên nước

1. Các trường hợp bị thu hồi giấy phép.

a) Chủ giấy phép bị phát hiện giả mạo tài liệu, kê khai không trung thực các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa chữa làm sai lệch nội dung của giấy phép.

b) Tổ chức là chủ giấy phép bị giải thể hoặc bị tòa án tuyên bố phá sản; cá nhân là chủ giấy phép bị chết, bị tòa án tuyên bố là đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị tuyên bố mất tích.

c) Chủ giấy phép vi phạm quyết định đình chỉ hiệu lực của giấy phép, tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần các quy định của giấy phép.

d) Giấy phép được cấp không đúng thẩm quyền.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xem xét, trình UBND tỉnh quyết định việc thu hồi giấy phép theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh xem xét, quyết định việc thu hồi giấy phép theo quy định.

4. Đối với trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi giấy phép vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phải thông báo cho chủ giấy phép biết trước chín mươi (90) ngày.

5. Trường hợp giấy phép bị thu hồi khi chủ giấy phép không thực hiện nghĩa vụ tài chính và không nhận giấy phép, trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép có trách nhiệm xem xét, quyết định việc thu hồi giấy phép.

Điều 25. Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước

1. Điều kiện của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước.

a) Tính đến thời điểm chuyển nhượng, tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành công tác xây dựng cơ bản, đưa công trình khai thác tài nguyên nước vào hoạt động;

b) Tính đến thời điểm chuyển nhượng, tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng đã hoàn thành nghĩa vụ về tài chính; thực hiện bồi thường thiệt hại do mình gây ra trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước (nếu có), và đã nộp đủ tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định; không có tranh chấp về quyền, nghĩa vụ liên quan đến hoạt động khai thác tài nguyên nước;

c) Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã nộp đủ hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước còn hiệu lực ít nhất là một trăm hai mươi (120) ngày.

2. Điều kiện của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước:

a) Đã thực hiện việc thông báo, lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định;

b) Có đề án, báo cáo phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước đã được phê duyệt hoặc phù hợp với khả năng nguồn nước, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước nếu chưa có quy hoạch tài nguyên nước. Đề án, báo cáo phải do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường lập; thông tin, số liệu sử dụng để lập đề án, báo cáo phải đầy đủ, rõ ràng, chính xác và trung thực. Phương án, biện pháp xử lý nước thải thể hiện trong đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước phải bảo đảm nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; phương án thiết kế công trình hoặc công trình

khai thác tài nguyên nước phải phù hợp với quy mô, đối tượng khai thác và đáp ứng yêu cầu bảo vệ tài nguyên nước;

c) Đối với trường hợp xả nước thải vào nguồn nước, ngoài điều kiện quy định tại Điểm a và Điểm b, Khoản 2, Điều này, còn phải có thiết bị, nhân lực hoặc có hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân khác đủ năng lực thực hiện việc vận hành hệ thống xử lý nước thải và quan trắc hoạt động xả nước thải đối với trường hợp đã có công trình xả nước thải; phương án bố trí thiết bị, nhân lực để thực hiện việc vận hành hệ thống xử lý nước thải và quan trắc hoạt động xả nước thải đối với trường hợp chưa có công trình xả nước thải.

Đối với trường hợp xả nước thải có lưu lượng từ 10.000m³/ ngày đêm trở lên, còn phải có phương án, phương tiện, thiết bị cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước và thực hiện việc giám sát hoạt động xả nước thải theo quy định.

d) Trường hợp khai thác, sử dụng nước dưới đất với quy mô từ 3.000 m³/ngày đêm trở lên, ngoài điều kiện quy định tại Điểm a và Điểm b, Khoản 2, Điều này, còn phải có thiết bị, nhân lực hoặc có hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân có đủ năng lực thực hiện việc quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước theo quy định. Trường hợp chưa có công trình, phải có phương án bố trí thiết bị, nhân lực thực hiện việc quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước.

đ) Trường hợp khai thác, sử dụng nước mặt có xây dựng hồ, đập trên sông, suối phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm a và Điểm b, Khoản 2, Điều này và phải có các hạng mục công trình để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu, sử dụng nguồn nước tổng hợp, đa mục tiêu, sử dụng dung tích chết của hồ chứa trong trường hợp hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng, đảm bảo sự di cư của các loài cá, sự đi lại của phương tiện vận tải thủy đối với các đoạn sông, suối có hoạt động vận tải thủy; phương án bố trí thiết bị, nhân lực để vận hành hồ chứa, quan trắc, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước; phương án quan trắc khí tượng, thủy văn, tổ chức dự báo lượng nước đến hồ để phục vụ vận hành hồ chứa theo quy định đối với trường hợp chưa có công trình; quy trình vận hành hồ chứa: thiết bị, nhân lực hoặc có hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân có đủ năng lực để thực hiện việc vận hành hồ chứa, quan trắc, giám sát hoạt động khai thác,

sử dụng nước, quan trắc khí tượng, thủy văn và dự báo lượng nước đến hồ để phục vụ vận hành hồ chứa theo quy định đối với trường hợp đã có công trình.

c) Bảo đảm không làm thay đổi mục đích khai thác, sử dụng nước.

3. Việc chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước được thể hiện bằng hợp đồng giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật dân sự và có các nội dung chính sau đây:

a) Hiện trạng số lượng, khối lượng, giá trị công trình khai thác, hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư, xây dựng; tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng tính đến thời điểm ký kết hợp đồng chuyển nhượng;

b) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng trong việc thực hiện tiếp các công việc, nghĩa vụ mà tổ chức, cá nhân chuyển nhượng chưa hoàn thành tính đến thời điểm chuyển nhượng.

4. Hồ sơ chuyển nhượng bao gồm:

a) Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước;

b) Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước;

c) Báo cáo kết quả khai thác tài nguyên nước và việc thực hiện các nghĩa vụ đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước;

d) Bản sao (chứng thực) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước.

5. Trình tự, thủ tục chuyển nhượng:

a) Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng nộp hai (02) bộ hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, chưa hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và có văn bản nêu rõ lý do.

b) Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định hồ sơ, trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xem xét, quyết định việc cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng. Thời hạn của giấy phép được cấp lại bằng thời gian còn lại của giấy

phép đã được cấp trước đó. Trường hợp đề nghị chuyển nhượng không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép chấp thuận, tổ chức, cá nhân chuyển nhượng được tiếp tục thực hiện nội dung giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước hoặc trả lại giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

6. Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí liên quan đến việc chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đã được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cấp phép mà còn thời hạn thì tiếp tục có hiệu lực cho đến khi giấy phép hết hạn.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy định này, bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đàm Văn Eng